

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**



ISO 9001 - 2008

**GIÁO TRÌNH
MÔN HỌC: KẾ TOÁN QUẢN TRỊ
NGÀNH: KẾ TOÁN
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG**

Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



GIÁO TRÌNH
MÔN HỌC: KẾ TOÁN QUẢN TRỊ
NGÀNH: KẾ TOÁN
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

THÔNG TIN CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI

Họ tên: Nguyễn Thị Hạnh

Học vị: Thạc sỹ

Đơn vị: Khoa Kế toán – Tài chính

Email:nguyenthihanh@hotec.edu.vn

TRƯỞNG KHOA

**TỔ TRƯỞNG
BỘ MÔN**

**CHỦ NHIỆM
ĐỀ TÀI**

**HIỆU TRƯỞNG
DUYỆT**

Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2020

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

Tailieu.vn

LỜI GIỚI THIỆU

Kế toán quản trị là môn học thuộc nhóm các môn chuyên môn của ngành kế toán, được bố trí giảng dạy sau khi đã học xong các môn chuyên môn của ngành.

Giáo trình Kế toán quản trị là tài liệu cần thiết cho sinh viên Khối ngành Kế toán, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, chương trình giảng dạy và mục tiêu đào tạo của Trường Cao đẳng Kinh tế kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

Giáo trình Kế toán quản trị gồm 7 chương:

Chương 1: Tổng quan về kế toán quản trị

Chương 2: Khái niệm và phân loại chi phí

Chương 3: Phân tích mối quan hệ Chi phí – Sản lượng -Lợi nhuận (CVP)

Chương 4: Lập dự toán sản xuất kinh doanh

Chương 5: Đánh giá trách nhiệm quản lý

Chương 6: Các quyết định về giá

Chương 7: Thông tin thích hợp cho việc ra quyết định

Giáo trình này được biên soạn trên cơ sở tham khảo nhiều tài liệu kế toán quản trị ở trong và ngoài nước, của nhiều tác giả khác nhau đồng thời có kết hợp với những qui định trong thông tư hướng dẫn kế toán quản trị ở Việt Nam. Ngoài những phần có tính chất giới thiệu tổng quát về kế toán quản trị; các chương được thiết kế theo quá trình của hoạt động quản lý: từ công tác hoạch định đến tổ chức, kiểm soát, đánh giá và ra quyết định. Ở mỗi chương gồm nội dung lý thuyết, và hệ thống bài tập để người học củng cố lý thuyết và rèn luyện kỹ năng thực hành.

Mặc dù rất cố gắng, tuy nhiên giáo trình khó tránh khỏi những thiếu sót về nội dung và hình thức. Rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của quý bạn đọc để Giáo trình này được hoàn thiện hơn.

TPHCM, ngày tháng năm 2020

Tham gia biên soạn

1. Nguyễn Thị Hạnh

2. Chung Ngọc Quế Chi

MỤC LỤC

<i>CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ</i>	18
1.1. Khái niệm về kế toán quản trị	18
1.2. Các mục tiêu của tổ chức và công việc của nhà quản lý	19
1.2.1. Các mục tiêu của tổ chức	19
1.2.2. Quá trình quản lý và công việc của các nhà quản lý	20
1.3. Mục tiêu của kế toán quản trị	21
1.4. Vai trò của nhân viên kế toán quản trị trong tổ chức	21
1.5. Phân biệt kế toán quản trị với kế toán tài chính	22
1.5.1. Kế toán tài chính	22
1.5.2. Kế toán quản trị	23
1.5.3. So sánh giữa kế toán quản trị và kế toán tài chính	24
1.6. Sự phát triển của kế toán quản trị	25
1.7. Kế toán quản trị là một nghề chuyên môn	26
1.7.1. Các tổ chức nghề nghiệp và việc chứng nhận hành nghề	26
1.7.2. Đạo đức hành nghề kế toán	27
1.8. Câu hỏi ôn tập và bài tập chương	28
<i>CHƯƠNG 2: KHÁI NIỆM VÀ PHÂN LOẠI CHI PHÍ</i>	29
2.1. Khái niệm chung về chi phí	29
2.1.1. Đối tượng chịu chi phí	29
2.2. Chi phí biến đổi, Chi phí cố định và Chi phí hỗn hợp	31
2.2.1. Chi phí biến đổi	31
2.2.2. Chi phí cố định:	33
2.2.3. Chi phí hỗn hợp	35
2.3. Chi phí trực tiếp & chi phí gián tiếp	43
2.4. Chi phí kiểm soát được & chi phí không kiểm soát được	45
2.5. Chi phí sản xuất và chi phí ngoài sản xuất	45
2.5.1. Chi phí sản xuất	45
2.5.2. Chi phí ngoài sản xuất	46

2.6. Chi phí sản phẩm và chi phí thời kỳ.....	46
2.7. Chi phí trên các báo cáo tài chính	48
2.7.1. Trên báo cáo kết quả kinh doanh	48
2.7.2. Trên bảng cân đối kế toán.....	49
2.8. Chi phí chênh lệch.....	49
2.9. Chi phí cơ hội.....	50
2.10. Chi phí chìm.....	50
2.11. Tổng chi phí và chi phí đơn vị	51
2.11.1. Mối quan hệ giữa tổng chi phí và chi phí đơn vị	51
2.11.2. Thận trọng khi sử dụng chi phí đơn vị	51
2.12. Câu hỏi ôn tập và bài tập chương.....	53
CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH MỐI QUAN HỆ (CVP) CHI PHÍ (COST) – SẢN LƯỢNG (VOLUME) – LỢI NHUẬN (PROFIT).	59
3.1. Khái niệm về phân tích Chi phí – sản lượng – lợi nhuận.....	59
3.2. Các khái niệm, thuật ngữ sử dụng trong phân tích Chi phí - sản lượng - lợi nhuận	60
3.2.1. Doanh thu.....	60
3.2.2. Chi phí.....	61
3.2.3. Lợi nhuận	61
3.2.4. Các thuật ngữ và chữ viết tắt	62
3.3. Báo cáo thu nhập theo số dư đảm phí	62
3.3.1 Mẫu báo cáo thu nhập theo số dư đảm phí	62
3.3.2. Số dư đảm phí.....	63
3.4. Phân tích điểm hoà vốn	66
3.4.1. Khái niệm điểm hoà vốn.....	66
3.4.2. Xác định điểm hoà vốn	66
3.4.3. Đồ thị hoà vốn	69
3.5. Phân tích lợi nhuận mục tiêu.....	70
3.5.1. Phương pháp số dư đảm phí	71
3.5.2. Phương pháp phương trình	72
3.5.3. Phương pháp đồ thị.....	72

3.5.4. Phân tích ảnh hưởng của thuế thu nhập doanh nghiệp	73
3.6. Phân tích Chi phí – sản lượng – lợi nhuận trong trường hợp doanh nghiệp sản xuất và tiêu thụ nhiều loại sản phẩm khác nhau	74
3.7. Kết cấu chi phí và đòn bẩy kinh doanh	77
3.7.1. Kết cấu chi phí.....	77
3.7.2. Đòn bẩy kinh doanh	79
3.8. Số dư an toàn.....	80
3.9. Ứng dụng phân tích Chi phí – sản lượng – lợi nhuận trong các tình huống ra quyết định quản lý.....	80
3.9.1. Chi phí bất biến và doanh số biến động.....	81
3.9.2. Chi phí khả biến và doanh số biến động	82
3.9.3. Chi phí bất biến, giá bán và sản lượng tiêu thụ biến động	82
3.9.4. Chi phí khả biến, chi phí bất biến và doanh số biến động	83
3.9.5. Thay đổi kết cấu giá bán	84
3.10. Câu hỏi ôn tập và bài tập chương	85
CHƯƠNG 4: LẬP DỰ TOÁN SẢN XUẤT KINH DOANH	95
4.1. Khái niệm về dự toán	95
4.2. Mục đích của dự toán	95
4.3. Các loại dự toán.....	96
4.4. Quá trình dự toán.....	97
4.5. Trình tự và phương pháp lập dự toán	98
4.6. Dự toán chủ đạo - Kế hoạch lợi nhuận.....	99
4.7. Minh họa về dự toán chủ đạo	101
4.7.1. Dự toán tiêu thụ sản phẩm	102
4.7.2. Dự toán sản xuất	104
4.7.3. Dự toán nguyên vật liệu trực tiếp.....	105
4.7.4. Dự toán lao động trực tiếp.	107
4.7.5. Dự toán chi phí sản xuất chung.	108
4.7.6. Dự toán thành phẩm tồn kho cuối kỳ	109
4.7.7. Dự toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý	110

4.7.8. Dự toán vốn bằng tiền	111
4.7.9. Dự toán báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	114
4.7.10. Dự toán bảng cân đối kế toán	114
4.8. Quản lý việc lập dự toán.....	115
4.8.1. Chỉ định giám đốc dự toán	115
4.8.2. Thành lập hội đồng dự toán	115
4.8.3. Xây dựng chiến lược dự toán	116
4.8.4. Tổ chức hội họp và đàm phán trong từng bộ phận	116
4.8.5. Phản hồi và kiểm soát	116
4.8.6. Hành động hiệu chỉnh	116
4.9. Câu hỏi ôn tập và bài tập chương	117
CHƯƠNG 5: ĐÁNH GIÁ TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ	124
5.1. Hệ thống kế toán trách nhiệm	124
5.1.1. Khái niệm về kế toán trách nhiệm	124
5.1.2. Sự phân cấp quản lý	124
5.1.3. Các trung tâm trách nhiệm.....	126
5.1.4. Hệ thống báo cáo thực hiện	130
5.1.5. Ảnh hưởng về thái độ của nhà quản lý.....	130
5.2. Đánh giá hiệu quả của các trung tâm đầu tư	131
5.2.1. Tỷ suất sinh lời của vốn đầu tư-ROI	131
5.2.2. Thu nhập thặng dư.....	135
5.3. Các phương pháp định giá chuyển giao	137
5.4. Câu hỏi ôn tập và bài tập chương	139
CHƯƠNG 6: CÁC QUYẾT ĐỊNH VỀ GIÁ	144
6.1. Tầm quan trọng của quyết định về giá bán	144
6.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến các quyết định về giá	144
6.3. Lý thuyết chung của quá trình định giá sản phẩm.....	146
6.3.1. Tổng doanh thu và doanh thu cận biên	147
6.3.2. Đường cong tổng chi phí và chi phí cận biên	148
6.3.3. Định giá để đạt lợi nhuận tối đa	150

6.3.4. Độ co giãn nhu cầu theo giá	152
6.4. Phương pháp định giá dựa trên chi phí	153
6.4.1. Định giá cộng thêm vào chi phí	153
6.4.2. Định giá theo thời gian lao động và nguyên liệu sử dụng	158
6.5. Phương pháp định giá sản phẩm mới	160
6.6. Định giá đấu thầu	161
6.7. Định giá trong trường hợp đặc biệt	161
6.8. Câu hỏi ôn tập và bài tập chương	163
CHƯƠNG 7: THÔNG TIN THÍCH HỢP CHO VIỆC RA QUYẾT ĐỊNH.....	168
7.1. Vai trò của nhân viên kế toán quản trị	168
7.2. Quá trình ra quyết định.....	169
7.2.1. Các bước trong quá trình ra quyết định.....	169
7.2.2. Phân tích định lượng và phân tích định tính	171
7.2.3. Thu thập thông tin	171
7.3. Thông tin thích hợp và tầm quan trọng của việc nhận diện thông tin thích hợp.....	172
7.3.1. Như thế nào được gọi là thông tin thích hợp?	172
7.3.2. Tầm quan trọng của việc nhận diện thông tin thích hợp.....	173
7.4. Xác định thông tin thích hợp.....	173
7.4.1. Các chi phí chìm không phải là những chi phí thích hợp	173
7.4.2. Các chi phí, thu nhập không chênh lệch không phải là chi phí thích hợp.	176
7.5. Phân tích các quyết định đặc biệt	178
7.5.1. Chấp nhận hoặc từ chối một đơn hàng đặc biệt	179
7.5.2. Quyết định tăng thêm hay loại bỏ các dây chuyền hoặc bộ phận sản xuất.	181
7.5.3. Quyết định nên làm hay nên mua	185
7.5.4. Các quyết định nên bán hay nên tiếp tục sản xuất.	188
7.5.5. Quyết định trong điều kiện năng lực sản xuất của công ty có giới hạn	190
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	2018

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

BC	Báo cáo
BCĐKT	Bảng cân đối kế toán
BCTC	Báo cáo tài chính
BH	Bán hàng
BP	Biến phí
CCDC	Công cụ dụng cụ
CP	Chi phí
DN	Doanh nghiệp
DT	Doanh thu
ĐP	Định phí
ĐVT	Đơn vị tính
GTGT	Giá trị gia tăng
HH	Hàng hóa
KQKD	Kết quả kinh doanh
KTQT	Kế toán quản trị
KTTC	Kế toán tài chính
MMTB	Máy móc thiết bị
NVL	Nguyên vật liệu
QLDN	Quản lý doanh nghiệp
SP	Sản phẩm
SX	Sản xuất

SXKD	Sản xuất kinh doanh
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TSCĐ	Tài sản cố định

Tailieu.vn

DANH MỤC BẢNG

Bảng	Trang
Bảng 2.1. Ví dụ về các đối tượng chịu chi phí	25
Bảng 3.1. Báo cáo thu nhập theo số dư đảm phí	57
Bảng 3.2. Ảnh hưởng lên lợi nhuận khi doanh thu biến động	70
Bảng 3.3. Báo cáo thu nhập theo số dư đảm phí	73
Bảng 4.1. Dự toán tiêu thụ Công ty XYZ	94
Bảng 4.2. Dự toán sản xuất Công ty XYZ	95
Bảng 4.3. Dự toán Chi phí nguyên vật liệu Công ty XYZ	97
Bảng 4.4. Kế hoạch chi trả tiền mua nguyên liệu	97
Bảng 4.5. Dự toán Chi phí nhân công Công ty XYZ	98
Bảng 4.6. Dự toán Chi phí sản xuất chung Công ty XYZ	99
Bảng 4.7. Dự toán thành phẩm tồn kho Công ty XYZ	100
Bảng 4.8. Dự toán chi phí bán hàng và QLDN Công ty XYZ	101
Bảng 4.9. Dự toán tiền Công ty XYZ	103
Bảng 4.10. Dự toán kết quả hoạt động kinh doanh	104
Bảng 4.11. Dự toán bảng cân đối kế toán	105
Bảng 5.1. Tính toán ROI của trung tâm đầu tư: Tổng công ty Anphabet	122
Bảng 6.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh công ty NT	144
Bảng 6.2. Báo cáo kết quả kinh doanh	146
Bảng 6.3. Báo cáo thu nhập theo số dư đảm phí	147
Bảng 7.1. Tổng cộng chi phí và thu nhập	163

Bảng 7.2. Phân tích chi phí và thu nhập	164
Bảng 7.3. Bảng so sánh hai phương án	165
Bảng 7.4. Thông tin về doanh thu và chi phí	166
Bảng 7.5. Thông tin khác biệt	166
Bảng 7.6. Báo cáo lãi lỗ	168
Bảng 7.7. Phân tích lãi lỗ	169
Bảng 7.8. Báo cáo thu nhập của các bộ phận trong Công ty PM	170
Bảng 7.9. Các ĐP tránh được, không tránh được của BP đồ gia dụng	172
Bảng 7.10. Báo cáo kết quả kinh doanh của Bộ phận đồ gia dụng	173
Bảng 7.11. Báo cáo chi phí sản xuất	174
Bảng 7.12. Phân tích nên làm hay nên mua	175
Bảng 7.13. Quyết định nên bán hay nên tiếp tục sản xuất	177
Bảng 7.14. So sánh số dư đảm phí SPA và SPB	179

DANH MỤC HÌNH

Hình	Trang
Hình 2.1. Đồ thị biểu diễn chi phí biến đổi	26
Hình 2.2. Đồ thị biểu diễn chi phí biến đổi tỷ lệ	27
Hình 2.3. Đồ thị biểu diễn chi phí biến đổi cấp bậc	28
Hình 2.4. Đồ thị biểu diễn chi phí cố định	28
Hình 2.5. Đồ thị biểu diễn chi phí cố định không bắt buộc	29
Hình 2.6. Đồ thị biểu diễn chi phí cố định bắt buộc	30
Hình 2.7. Đồ thị biểu diễn chi phí hỗn hợp	31
Hình 2.8. Đồ thị minh họa cho phương pháp đồ thị phân tán	35
Hình 3.1. Đồ thị CVP	62
Hình 3.2. Đồ thị lợi nhuận	63
Hình 6.1. Đường cong doanh thu	136
Hình 6.2. Đường cầu và đường doanh thu cận biên	137
Hình 6.3. Đường cong tổng chi phí	138
Hình 6.4. Đường cong chi phí bình quân và chi phí cận biên	139
Hình 6.5 Giá bán và sản lượng tối đa hoá lợi nhuận	140
Hình 6.6. Đường cầu	141

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ	Trang
Sơ đồ 1.1. Quá trình quản lý	17
Sơ đồ 2.1. Mối quan hệ của chi phí trực tiếp, chi phí gián tiếp với đối tượng chi phí	38
Sơ đồ 2.2. Các chi phí xét theo mối quan hệ giữa CP với lợi nhuận xác định trong từng kỳ	42
Sơ đồ 4.1. Quá trình dự toán	88
Sơ đồ 4.2. Trình tự lập dự toán	89
Sơ đồ 4.3. Hệ thống dự toán tổng thể	90
Sơ đồ 5.1. Sơ đồ tổ chức của tổng công ty Anphabet	118
Sơ đồ 5.2. Các trung tâm trách nhiệm của tổng công ty Anphabet	119
Sơ đồ 6.1. Thiết lập giá bán	135
Sơ đồ 7.1. Vai trò của kế toán quản trị	157
Sơ đồ 7.2. Quá trình ra quyết định	158
Sơ đồ: 7.3. Quy trình sản xuất	176

GIÁO TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Kế toán quản trị

Mã môn học: MH3104132

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ; (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 28 giờ; Kiểm tra 02 giờ)

Đơn vị quản lý môn học: Khoa Kế toán Tài chính

Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học Kế toán quản trị thuộc nhóm các môn chuyên môn của nghề kế toán doanh nghiệp, được bố trí giảng dạy sau khi đã học xong các môn chuyên môn của nghề.

- Tính chất: Môn học Kế toán quản trị là môn học chuyên môn để quản trị nội bộ doanh nghiệp, bằng cách vận dụng một số công cụ, phương pháp nhằm hoạch định và quản trị hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời cung cấp cho nhà quản lý các thông tin cần thiết trong việc ra các quyết định tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp.

Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

+ Phân biệt được kế toán tài chính và kế toán quản trị.

+ Trình bày được những khái niệm, mục tiêu, vai trò của người kế toán quản trị, về chi phí của kế toán tài chính, kế toán quản trị và các đối tượng chịu chi phí, việc lập dự toán và quá trình quản trị dự toán, những công việc của kế toán trách nhiệm trong việc đưa ra số liệu định lượng phục vụ công việc đánh giá trách nhiệm quản lý, các nguyên tắc chung và các tình huống đặc biệt trong việc tính giá sản phẩm, và các thông tin thích hợp cho việc ra quyết định quản trị trong ngắn hạn trong doanh nghiệp.

+ Phân loại được hai dạng chi phí của kế toán tài chính và kế toán quản trị.

+ Phân tích được các vấn đề về chi phí, sản lượng và lợi nhuận trong doanh nghiệp..

+ Giải thích được đường giá của sản phẩm trong kế toán quản trị.

- Về kỹ năng:

+ Thực hiện tính toán được cách chuyển số liệu từ kế toán tài chính thành số liệu kế toán quản trị, và các số liệu kế toán có liên quan đến chi phí sản lượng và lợi nhuận của doanh nghiệp.

+ Lập được dự toán tổng hợp cho các mô hình doanh nghiệp, từ đó kiểm soát được chi phí sản xuất thông qua dự toán.

+ Lập mô hình và tính toán được bằng phương pháp định lượng các dữ liệu trong công ty, nhằm phục vụ mục tiêu đánh giá hiệu quả quản lý của các bộ phận và của toàn doanh nghiệp, giá bán đối với các sản phẩm, dịch vụ trong điều kiện thông thường và các tình huống đặc biệt, đồng thời đưa ra được các thông tin thích hợp cho việc ra quyết định quản trị trong ngắn hạn.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Nâng cao tính thận trọng khi tác nghiệp kế toán quản trị.

+ Rèn luyện tính bảo mật đối với thông tin của kế toán quản trị.

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ

Giới thiệu: Trong chương 1 bao gồm các nội dung: Khái niệm về kế toán quản trị; các mục tiêu của tổ chức và công việc của nhà quản lý; mục tiêu của tổ chức; quá trình quản lý và công việc của các nhà quản lý; mục tiêu của kế toán quản trị; vai trò của nhân viên kế toán quản trị trong tổ chức; phân biệt kế toán quản trị với kế toán tài chính; sự phát triển của kế toán quản trị; kế toán quản trị là một nghề chuyên môn; các tổ chức nghề nghiệp và việc chứng nhận hành nghề; đạo đức hành nghề kế toán

Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm, mục tiêu, vai trò của người kế toán quản trị trong DN
- Phân biệt được kế toán tài chính và kế toán quản trị.

1.1. Khái niệm về kế toán quản trị

Các tổ chức trong xã hội dù thuộc nhóm nào cũng đều cần thông tin kế toán để tồn tại, hoạt động và phát triển. Tổ chức doanh nghiệp cần thông tin kế toán để theo dõi chi phí và kết quả kinh doanh trong từng kỳ hạch toán; tổ chức Nhà nước cần thông tin kế toán để đánh giá mức độ cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng; tổ chức phi lợi nhuận cần thông tin kế toán để theo dõi hoạt động của tổ chức, xác định mức độ phục vụ xã hội... Như vậy, đối với bất cứ một tổ chức nào thì thông tin kế toán đều có vai trò quan trọng, không thể thiếu đối với hoạt động của tổ chức đó và chính thông tin kế toán lại có ảnh hưởng quyết định đến mức độ đạt được của các mục tiêu.

Kế toán quản trị là một bộ phận cấu thành của hệ thống thông tin kế toán nói chung trong các doanh nghiệp. Trong nền kinh tế thị trường, nguyên nhân sự phát triển của kế toán quản trị là do sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp, tập đoàn, quốc gia của tổng thể nền kinh tế. Nhưng trong bất kỳ một doanh nghiệp nào thì thông tin kế toán quản trị với chức năng cơ bản là công cụ hữu hiệu để các cấp lãnh đạo đưa ra quyết định điều hành mọi hoạt động nhằm hướng tới các mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận. Việc nghiên cứu kế toán quản trị được xem xét từ nhiều quan điểm và góc độ khác nhau.

Theo Điều 3 luật kế toán Việt Nam nêu: “*Kế toán quản trị là việc thu thập, xử lý, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính theo yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính trong nội bộ đơn vị kế toán.*”

Kế toán quản trị nhằm cung cấp các thông tin về hoạt động nội bộ của DN như:

- Chi phí của từng bộ phận (trung tâm chi phí), CP của từng công việc, sản phẩm cụ thể.
- Phân tích đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch về doanh thu, chi phí, lợi nhuận; quản lý tài sản, vật tư tiền vốn, công nợ.
- Phân tích mối quan hệ giữa chi phí, khối lượng và lợi nhuận.
- Lựa chọn thông tin thích hợp cho các quyết định ngắn hạn và dài hạn.
- Lập dự toán ngân sách sản xuất kinh doanh ...

Tất cả các thông tin trên đều nhằm phục vụ việc điều hành, kiểm tra và ra quyết định kinh tế của các nhà quản lý doanh nghiệp. KTQT là công việc của từng doanh nghiệp, Nhà nước chỉ hướng dẫn các nguyên tắc, cách thức tổ chức và các nội dung, phương pháp kế toán quản trị chủ yếu, tạo điều kiện thuận lợi cho DN thực hiện...

Tóm lại, đối với tổ chức là doanh nghiệp. “Kế toán quản trị là quá trình phân tích và đánh giá để giúp cho người điều hành kinh doanh bên trong nội bộ ra quyết định nhằm hướng đến đạt mục tiêu chung của doanh nghiệp”.

1.2. Các mục tiêu của tổ chức và công việc của nhà quản lý

1.2.1. Các mục tiêu của tổ chức

Tổ chức được hiểu là một nhóm người liên kết với nhau để cùng thực hiện một mục tiêu nhất định hay nhiều mục tiêu chung nào đó. Ví dụ, một công ty sản xuất máy bay là một tổ chức, một cơ sở giáo dục thực hiện một nhiệm vụ giáo dục đào tạo là một tổ chức. như vậy, tổ chức phải được hiểu là những con người trong tổ chức chứ không phải là của cải vật chất (tài sản) của tổ chức.

Mục tiêu hoạt động của các tổ chức rất đa dạng và khác nhau. Trong mỗi một giai đoạn phát triển khác nhau, một tổ chức có thể xác định một hoặc một số mục tiêu nhất định. Các mục tiêu đó có thể là:

- Tối đa hóa lợi nhuận hoặc đạt được mức lợi nhuận mong muốn
- Tối đa hóa thị phần hoặc đạt được một mức thị phần nào đó
- Nâng cao chất lượng sản phẩm
- Tăng trưởng
- Cực đại giá trị tài sản
- Trách nhiệm đối với môi trường
- Cung cấp các dịch vụ công cộng với chi phí tối thiểu

1.2.2. Quá trình quản lý và công việc của các nhà quản lý

Những người chủ sở hữu và các nhà quản lý của tổ chức chịu trách nhiệm trong việc xác định mục tiêu hoạt động của tổ chức. Cho dù mục tiêu hoạt động của một tổ chức là gì đi nữa, công việc của các nhà quản lý là phải đảm bảo các mục tiêu được thực hiện. Trong quá trình theo đuổi mục tiêu của tổ chức, các nhà quản lý thực hiện bốn hoạt động (chức năng) cơ bản:

(1) Lập kế hoạch

Trong việc lập kế hoạch, nhà quản lý vạch ra những bước phải làm để đưa hoạt động của doanh nghiệp hướng về các mục tiêu đã xác định. Những kế hoạch này có thể dài hạn hay ngắn hạn. Khi các kế hoạch được thi hành, chúng sẽ giúp cho việc liên kết tất cả các lực lượng của tất cả các bộ phận trong doanh nghiệp hướng về các mục tiêu đã định.

(2) Tổ chức và điều hành

Trong việc tổ chức, nhà quản lý sẽ quyết định cách liên kết tốt nhất giữa tổ chức, con người với các nguồn lực lại với nhau sao cho kế hoạch được thực hiện có hiệu quả nhất. Trong việc điều hành, các nhà quản lý giám sát hoạt động hàng ngày và giữ cho cả tổ chức hoạt động trôi chảy.

(3) Kiểm soát

Sau khi đã lập kế hoạch và tổ chức thực hiện, nhà quản lý phải kiểm tra và đánh giá việc thực hiện kế hoạch. Để thực hiện chức năng kiểm tra, các nhà quản lý sử dụng các bước công việc cần thiết để đảm bảo cho từng bộ phận và cả tổ chức đi theo đúng kế hoạch đã vạch ra. Trong quá trình kiểm soát, nhà quản lý sẽ so sánh hoạt động thực tiễn với kế hoạch đã thiết lập. So sánh này sẽ chỉ ra ở khâu nào công việc thực hiện chưa đạt yêu cầu, và cần sự hiệu chỉnh để hoàn thành nhiệm vụ và mục tiêu đã thiết lập.

(4) Ra quyết định

Ra quyết định là việc thực hiện những lựa chọn hợp lý trong số các phương án khác nhau. Ra quyết định không phải là một chức năng riêng biệt, nó là một chức năng quan trọng, xuyên suốt các khâu trong quá trình quản lý một tổ chức, từ khâu lập kế hoạch, tổ chức thực hiện cho đến kiểm tra đánh giá. Chức năng ra quyết định được vận dụng liên tục trong suốt quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Tất cả các quyết định đều có nền tảng từ thông tin. Do vậy, một yêu cầu đặt ra cho công tác kế toán, đặc biệt là kế toán quản trị là phải đáp ứng nhu cầu thông tin nhanh, chính xác cho nhà quản lý nhằm hoàn thành tốt việc ra quyết định.